

Họ, tên:..... SBD:

Mã đề thi 132

Nội Dung Đề

(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm được in trên 04 trang)

Câu 41: Dung dịch chất nào sau đây **không** hòa tan được $\text{Cu}(\text{OH})_2$?

- A. Glixerol. B. Etilenglicol. C. Axit axetic. D. Ancol etylic.

Câu 42: Trong phòng thí nghiệm, để điều chế một lượng nhỏ khí X, người ta đun nóng dung dịch amoni nitrit bão hòa. Khí X là

- A. NO_2 . B. N_2 . C. NO . D. N_2O .

Câu 43: Đốt cháy hoàn toàn **m** gam hỗn hợp **X** gồm etilen, propilen và butilen bằng **V** lít (đktc) O_2 , thu được 2,0 mol CO_2 . Giá trị của **m** là

- A. 33,6. B. 56. C. 28. D. 36.

Câu 44: Chất nào sau đây **không** phản ứng được với dung dịch axit axetic?

- A. Cu. B. Mg. C. KOH. D. CaCO_3 .

Câu 45: Tên thay thế của ancol có công thức cấu tạo thu gọn $\text{CH}_3\text{CH}(\text{OH})\text{CH}_3$ là

- A. propan-1-ol. B. ancol propylic. C. ancol etylic. D. propan-2-ol.

Câu 46: Cho dãy các dung dịch sau: NaOH, NaHCO_3 , HCl, NaNO_3 , Br_2 . Số dung dịch trong dãy phản ứng được với phenol là

- A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 47: Khi tách nước từ ancol 3-metylbutan-2-ol, sản phẩm chính thu được là

- A. 3-metylbut-1-en. B. 2-metylbut-2-en. C. 3-metylbut-2-en. D. 2-metylbut-3-en.

Câu 48: Nguyên tố lưu huỳnh trong hợp chất nào sau đây có cả tính oxi hóa và tính khử ?

- A. SO_3 . B. H_2SO_4 . C. SO_2 . D. H_2S .

Câu 49: Thành phần chính của phân lân supephotphat kép là

- A. CaSO_4 . B. $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2 \cdot \text{CaSO}_4$. C. $\text{Ca}_3(\text{PO}_4)_2$. D. $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$.

Câu 50: Cho dãy chuyển hóa sau: $\text{X} \xrightarrow{+\text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}} \text{Y} \xrightarrow{+\text{NaOH}} \text{X}$

Công thức của X là

- A. NaOH. B. NaHCO_3 . C. Na_2O . D. Na_2CO_3 .

Câu 51: Trong các hợp chất sau: CHCl_3 , HCN, CH_3COONa , Al_4C_3 . Số hợp chất hữu cơ là

- A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 52: Chất nào sau đây là hidroxit lưỡng tính ?

- A. $\text{Mg}(\text{OH})_2$. B. $\text{Al}(\text{OH})_3$. C. $\text{Ca}(\text{OH})_2$. D. NaOH.

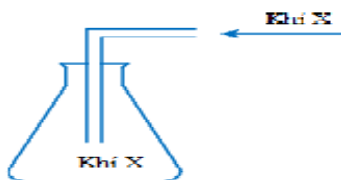
Câu 53: Ứng dụng nào sau đây **không** phải của nitơ ?

- A. Bảo quản máu và các mẫu vật sinh học.
B. Sản xuất axit nitric.
C. Làm môi trường trợ trong một số ngành công nghiệp.
D. Sản xuất phân lân.

Câu 54: Trong các chất sau, chất gây ô nhiễm không khí có nguồn gốc từ khí thải sinh hoạt là

- A. CO. B. H_2 . C. O_3 . D. N_2 .

Câu 55: Trong phòng thí nghiệm, khí X được điều chế và thu vào bình tam giác theo hình vẽ dưới đây:



Khí X là

- A. CO_2 . B. CH_4 . C. NH_3 . D. H_2 .

Câu 56: Nhận xét nào sau đây **đúng**?

- A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$ và $\text{C}_6\text{H}_5\text{CH}_2\text{OH}$ là đồng đẳng (C_6H_5- là gốc phenyl).
 B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và CH_3OCH_3 là đồng phân vị trí nhóm chức.
 C. C_5H_{12} có ba đồng phân cấu tạo.
 D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$ đều tác dụng được với dung dịch NaOH .

Câu 57: Focmon là một chất hữu cơ rất độc, được sản xuất rộng rãi trong công nghiệp có tên khoa học là formandehit. Ở thể khí là một chất khí không màu, có mùi xốc rất đặc biệt, tan dễ dàng trong nước, khi tan trong nước Focmon ở dạng dung dịch gọi là formalin. Công thức hóa học của focmon là

- A. CH_3COOH . B. CH_3OH . C. HCHO . D. CH_3CHO .

Câu 58: Sản phẩm của phản ứng nhiệt phân hoàn toàn AgNO_3 là

- A. Ag , NO_2 , O_2 . B. Ag , NO , O_2 . C. Ag_2O , NO , O_2 . D. Ag_2O , NO_2 , O_2 .

Câu 59: Chất có phản ứng với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ sinh kết tủa màu vàng nhạt là

- A. $\text{CH}\equiv\text{CH}$. B. $\text{CH}_2=\text{CH}_2$. C. CH_3CHO . D. HCOOH .

Câu 60: Cho $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ lần lượt vào các dung dịch sau: NaHCO_3 , KHSO_4 , HNO_3 , MgSO_4 , $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$, CaCl_2 , NaOH . Số trường hợp có phản ứng xảy ra là

- A. 3. B. 4. C. 6 D. 5.

Câu 61: Cho 2,13 gam P_2O_5 vào dung dịch chứa x mol NaOH và 0,02 mol Na_3PO_4 . Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch chứa 6,88 gam hai chất tan. Giá trị của x là

- A. 0,030. B. 0,139. C. 0,057. D. 0,050.

Câu 62: Cho các phát biểu sau:

- (1) Photpho hoạt động hóa học mạnh hơn nitơ.
- (2) Cho khí CO (dư) đi qua ZnO nung nóng thu được Zn và CO_2 .
- (3) Cho 1,5a mol CO_2 vào dung dịch chứa a mol $\text{Ca}(\text{OH})_2$ thu được dung dịch chứa hai muối.
- (4) Có phản ứng hóa học xảy ra khi cho dung dịch $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ vào dung dịch HCl .
- (5) Không nên dập tắt đám cháy magie bằng cát khô.
- (6) Không thu được khí CO_2 nếu cho rất từ từ dung dịch chứa a mol H_2SO_4 vào dung dịch chứa a mol Na_2CO_3 .

Na_2CO_3 .

Số phát biểu **đúng** là

- A. 6. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 63: Cho 0,045 mol hỗn hợp X (có khối lượng 2,07 gam) gồm hai anđehit đơn chức trắng bạc hoàn toàn thì thu được 12,96 gam bạc. Mặt khác, m gam X phản ứng tối đa với 9,408 lít H_2 (đktc) khi có Ni xúc tác, đun nóng. Giá trị của m là

- A. 8,82. B. 5,52. C. 8,28. D. 4,14.

Câu 64: Cho các chất có công thức cấu tạo như sau: $\text{HOCH}_2\text{CH}_2\text{OH}$ (X); $\text{HOCH}_2\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OH}$ (Y); $\text{HOCH}_2\text{CH}(\text{OH})\text{CH}_3$ (Z); $\text{HOCH}_2\text{CH}(\text{OH})\text{CH}_2\text{OH}$ (T). Số chất tác dụng được với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường tạo dung dịch màu xanh lam là

- A. 1. B. 3. C. 4. D. 2.

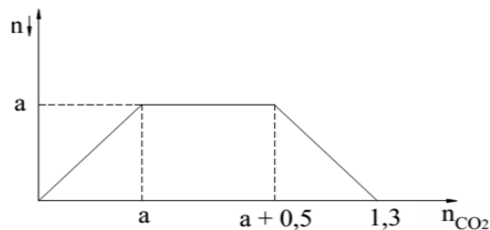
Câu 65: Nhiệt phân hoàn toàn 34,65 gam hỗn hợp gồm $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ và KNO_3 , thu được hỗn hợp khí X có tỉ khối so với H_2 là 18,8. Khối lượng $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ trong hỗn hợp ban đầu là

- A. 11,28 gam. B. 9,4 gam. C. 8,6 gam. D. 20,5 gam.

Câu 66: Dẫn 8,96 lít CO_2 (ở đktc) vào 600 ml dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ 0,5M. Phản ứng kết thúc thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là

- A. 40. B. 20. C. 30. D. 25.

Câu 67: Dung dịch X chứa a mol $\text{Ba}(\text{OH})_2$. Thêm m gam KOH vào X được dung dịch Y. Cho khí CO_2 vào Y, đồ thị biểu diễn mối liên hệ giữa số mol kết tủa BaCO_3 vào số mol CO_2 , như sau:



Giá trị của $(a + m)$ là:

- A. 28,4. B. 20,5. C. 20,4. D. 24,8.

Câu 68: Thực hiện các thí nghiệm sau:

- (a) Đốt cháy photpho trong oxi dư.
 (b) Đun nóng NaCl tinh thể với dung dịch H_2SO_4 (đặc).
 (c) Sục khí CO_2 vào dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ (dư).
 (d) Cho dung dịch NaOH vào dung dịch $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$.
 (e) Cho CuS vào dung dịch HCl (loãng).
 (f) Cho Na_2SO_3 vào dung dịch H_2SO_4 (dư), đun nóng.

Số thí nghiệm sinh ra chất khí là

- A. 3. B. 2. C. 5. D. 4.

Câu 69: Cho Na (dư) vào V ml cồn etylic 46° (khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất là $0,8$ g/ml; của nước là 1 g/ml), thu được $63,84$ lít H_2 (đktc). Giá trị của V là

- A. 250. B. 100. C. 200. D. 150.

Câu 70: Cho các phát biểu sau:

- (1) Ở nhiệt độ thường, $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tan được trong etilenglicol.
 (2) Ở nhiệt độ thường, CH_3CHO phản ứng được với nước brom.
 (3) Đốt cháy hoàn toàn anđehit axetic thu được số mol CO_2 bằng số mol H_2O .
 (4) Ancol etylic phản ứng được với dung dịch axit fomic.
 (5) Có thể phân biệt được stiren và anilin bằng nước brom.
 (6) Ảnh hưởng của nhóm $-\text{OH}$ đến gốc C_6H_5- trong phân tử phenol thể hiện qua phản ứng giữa phenol với dung dịch Br_2 .

Số phát biểu đúng là

- A. 6. B. 4. C. 5. D. 3.

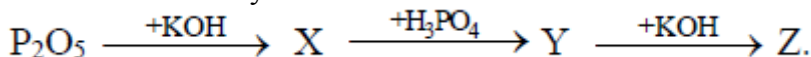
Câu 71: X, Y, Z, T là một trong các dung dịch sau: $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, K_2SO_4 , NH_4NO_3 , KOH . Thực hiện thí nghiệm để nhận xét chúng và có được kết quả như sau:

Chất	X	Z	T	Y
dd $\text{Ba}(\text{OH})_2$, t°	Có kết tủa xuất hiện	Không hiện tượng	Kết tủa và khí thoát ra	Có khí thoát ra

Các dung dịch X, Y, Z, T lần lượt là

- A. KOH , NH_4NO_3 , K_2SO_4 , $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$. B. K_2SO_4 , NH_4NO_3 , KOH , $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$.
 C. $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, KOH , NH_4NO_3 , K_2SO_4 . D. K_2SO_4 , $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$, KOH , NH_4NO_3 .

Câu 72: Cho sơ đồ chuyển hóa:



Các chất X, Y, Z lần lượt là

- A. K_3PO_4 , K_2HPO_4 , KH_2PO_4 . B. KH_2PO_4 , K_2HPO_4 , K_3PO_4 .
 C. K_3PO_4 , KH_2PO_4 , K_2HPO_4 . D. KH_2PO_4 , K_3PO_4 , K_2HPO_4 .

Câu 73: Điện phân 200 ml dung dịch gồm CuSO_4 1,25M và NaCl a mol/lít (điện cực trơ, màng ngăn xốp, hiệu suất điện phân 100%, bỏ qua sự hòa tan của khí trong nước và sự bay hơi của nước) với cường độ dòng điện không đổi 2A trong thời gian 19300 giây. Dung dịch thu được có khối lượng giảm 24,25 gam so với dung dịch ban đầu. Giá trị của a là

- A. 0,75. B. 0,50. C. 1,00. D. 1,50.

Câu 74: Hỗn hợp X chứa 0,08 mol axetilen; 0,06 mol axetanđehit; 0,09 mol vinylaxetilen và 0,16 mol hiđro. Nung X với xúc tác Ni sau một thời gian thì thu được hỗn hợp Y có tỷ khối hơi so với H₂ là 21,13. Dẫn Y đi qua dung dịch AgNO₃/NH₃ dư để phản ứng xảy ra hoàn toàn thì thu được m gam Z gồm 4 kết tủa có số mol bằng nhau, hỗn hợp khí T thoát ra sau phản ứng làm mất màu vừa hết 30 ml dung dịch brom 0,1M. Giá trị của m gần nhất với giá trị nào sau đây?

- A. 27. B. 29. C. 26. D. 28.

Câu 75: Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp gồm 4,2 gam Fe và 2,4 gam Cu trong 750 ml dung dịch hỗn hợp HNO₃ 0,1M và HCl 0,4M, thu được khí NO và dung dịch X. Cho X vào dung dịch AgNO₃ dư, thu được m gam chất rắn. Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn, NO là sản phẩm khử duy nhất của N⁺⁵ trong các phản ứng. Giá trị của m gần nhất với giá trị nào sau đây ?

- A. 45,07. B. 51,10. C. 43,90. D. 43,05.

Câu 76: Một hỗn hợp X gồm anđehit acrylic và một anđehit no, đơn chức, mạch hở. Đốt cháy hoàn toàn 11,52 gam hỗn hợp X cần vừa hết 12,992 lít khí oxi (đktc) thu được 22,88 gam CO₂. Cho hỗn hợp X tác dụng với dung dịch AgNO₃ dư trong amoniac thu được m gam bạc. Giá trị của m là

- A. 60,48. B. 80,64. C. 69,12. D. 95,04.

Câu 77: Cho 11,52 gam Mg tác dụng với dung dịch chứa 1,44 mol HNO₃, thu được dung dịch X và m gam hỗn hợp khí. Thêm 600 ml dung dịch NaOH 2M vào X, thu được dung dịch Y, kết tủa và 1,344 lít khí Z (đktc). Lọc bỏ kết tủa, cô cạn Y thu được chất rắn T. Nung T đến khối lượng không đổi, thu được 81,06 gam chất rắn. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

- A. 9,12. B. 8,16. C. 5,28. D. 6,96.

Câu 78: Hỗn hợp X gồm etanol, propan-1-ol, butan-1-ol và pentan-1-ol. Oxi hóa không hoàn toàn một lượng X bằng CuO nung nóng, sau một thời gian thu được H₂O và hỗn hợp Y gồm 4 anđehit tương ứng và 4 ancol dư. Đốt cháy hoàn toàn Y cần dùng vừa đủ 1,875 mol O₂, thu được H₂O và 1,35 mol CO₂. Mặt khác, cho toàn bộ lượng Y trên phản ứng với lượng dư dung dịch AgNO₃ trong NH₃, đun nóng. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam Ag. Giá trị của m là

- A. 43,2. B. 64,8. C. 32,4. D. 27,0.

Câu 79: Hỗn hợp X gồm 0,2 mol axetilen, 0,1 mol but-1-in, 0,15 mol etilen, 0,1 mol etan và 0,85 mol H₂. Nung nóng hỗn hợp X (xúc tác Ni) một thời gian, thu được hỗn hợp Y có tỷ khối so với H₂ bằng d. Cho Y tác dụng với AgNO₃ dư trong NH₃ thu được kết tủa và 19,04 lít hỗn hợp khí Z (đktc). Sục khí Z qua dung dịch brom dư thấy có 8,0 gam brom phản ứng. Giá trị của d là

- A. 11,0. B. 9,0. C. 9,75. D. 10,5.

Câu 80: Hấp thụ hoàn toàn 3,36 lít CO₂ (đktc) vào dung dịch chứa x mol KOH và y mol K₂CO₃, thu được dung dịch X. Cho từ từ dung dịch X vào 120 ml dung dịch HCl 2M, thu được 4,032 lít CO₂ (đktc). Mặt khác, nếu cho dung dịch X phản ứng hết với dung dịch Ba(OH)₂ dư, thu được 59,1 gam kết tủa. Tỷ lệ x : y tương ứng là

- A. 2 : 1. B. 2 : 5. C. 1 : 2. D. 2 : 3.

----- HẾT -----

Cán bộ coi thi không giải thích đề thi !

Mã đề: 132

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				

	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A																				
B																				
C																				
D																				